

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022

Tháng 8 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 -3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 48

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư MST (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Huy Quang	Chủ tịch	
Ông Trịnh Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Hoàng Văn Minh	Thành viên	
Ông Phan Duy Dũng	Thành viên	
Ông Ngô Việt Hậu	Thành viên	
Ông Phùng Xuân Nam	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Làn	Trưởng Ban	
Bà Vũ Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Tống Thế Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phan Duy Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Trung Khin	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/04/202)

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Nguyễn Đăng Kiên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

• **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Duy Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư MST
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư MST

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư MST (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 08 năm 2022, từ trang 06 đến trang 48 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư MST cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này tại ngày 17/08/2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư MST cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 22/03/2022.



Đặng Minh Đức

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4885-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		714.316.802.484	1.038.054.597.727
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.999.120.886	27.952.161.919
Tiền	111		4.999.120.886	13.952.161.919
Các khoản tương đương tiền	112		-	14.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		674.377.303.233	956.002.087.683
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.005.341.395	9.522.838.395
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	426.810.325.810	505.916.398.422
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	45.000.000.000	35.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	199.561.636.028	405.431.914.836
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(169.063.970)
Hàng tồn kho	140	10	30.962.813.828	52.594.376.437
Hàng tồn kho	141		30.962.813.828	52.594.376.437
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.977.564.537	1.505.971.688
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	67.179.426	170.898.872
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.906.068.544	1.335.072.816
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		4.316.567	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		872.757.385.665	735.948.919.399
Các khoản phải thu dài hạn	210	9	346.416.255.163	286.622.445.344
Phải thu dài hạn khác	216		346.416.255.163	286.622.445.344
Tài sản cố định	220		4.560.156.585	13.006.839.945
Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.560.156.585	13.006.839.945
- Nguyên giá	222		8.449.890.477	19.996.446.841
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.889.733.892)	(6.989.606.896)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.106.068.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	3.106.068.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	521.621.372.858	372.850.419.623
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		521.621.372.858	372.850.419.623
Tài sản dài hạn khác	260		159.601.059	60.363.146.487
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	158.217.106	1.508.999.459
Lợi thế thương mại	269		1.383.953	58.854.147.028
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.587.074.188.149	1.774.003.517.126

Mẫu số B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		764.846.388.474	936.392.718.076
Nợ ngắn hạn	310		763.204.908.315	933.318.778.328
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	118.679.742.899	245.487.273.390
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	399.963.259.176	228.094.705.450
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	11.286.569.862	15.036.330.039
Phải trả người lao động	314		-	523.580.435
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.549.298.326	6.694.679.379
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	72.436.687.101	127.135.179.492
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	156.289.350.951	310.347.030.143
Nợ dài hạn	330		1.641.480.159	3.073.939.748
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	1.641.480.159	3.065.666.026
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		-	8.273.722
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	822.227.799.675	837.610.799.050
Vốn chủ sở hữu	410		822.227.799.675	837.610.799.050
Vốn góp của chủ sở hữu	411		681.406.910.000	681.406.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		681.406.910.000	681.406.910.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		140.701.720.048	80.289.131.591
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		80.247.387.847	3.975.552.657
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		60.454.332.201	76.313.578.934
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		119.169.627	75.914.757.459
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.587.074.188.149	1.774.003.517.126

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Kiên

Tổng Giám đốc



Phạm Duy Dũng

Mẫu số B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	185.281.377.041	235.539.607.709
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		185.281.377.041	235.539.607.709
Giá vốn hàng bán	11	21	163.459.540.790	202.783.686.795
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.821.836.251	32.755.920.914
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	63.716.560.638	41.252.742.626
Chi phí tài chính	22	23	21.047.290.772	35.620.065.673
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.802.962.004	35.615.380.741
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		13.779.874.202	6.659.336.535
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.530.955.523	10.334.870.071
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.740.024.796	34.713.064.331
Thu nhập khác	31		1	109
Chi phí khác	32	25	330.651.609	20.515.258
Lợi nhuận khác	40		(330.651.608)	(20.515.149)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.409.373.188	34.692.549.182
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.864.722.253	5.726.888.684
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.544.650.935	28.965.660.498
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		60.454.332.201	28.945.548.167
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		90.318.734	20.112.331
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	887	608

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Kiên

Tổng Giám đốc



Phan Duy Dũng

Mẫu số B03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		66.409.373.188	34.692.549.182
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.983.656.026	4.474.304.662
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(79.519.001.005)	(47.912.079.161)
Chi phí lãi vay	06		21.042.439.176	35.620.065.673
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.916.467.385	26.874.840.356
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(84.615.284.488)	(228.676.817.675)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24.491.454.314)	21.736.144.542
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		255.374.080.034	(17.078.702.761)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		41.127.692	(1.585.119.697)
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.943.491.461)	(37.264.386.221)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.500.000.000)	(1.950.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		134.781.444.848	(237.944.041.456)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.682.320.000)	(2.386.734.546)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.000.000.000)	(85.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.300.000.000	3.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		115.058.779	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(14.670.370.697)	
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.210.344.655	6.303.362.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.727.287.263)	(78.083.372.276)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	300.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		139.504.449.924	233.209.374.449
Tiền trả nợ gốc vay	34		(280.511.648.542)	(1.638.948.813)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(141.007.198.618)	531.570.425.636
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(22.953.041.033)	215.543.011.904
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	27.952.161.919	6.534.730.372
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	4.999.120.886	222.077.742.276

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Kiên

Tổng Giám đốc



Phan Duy Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư MST, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103983390 ngày 18/06/2009, đã đăng ký thay đổi lần thứ 27 vào ngày 17/05/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2022 là 681.406.910.000 đồng chia thành 68.140.691 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây lắp, thương mại, dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Cho thuê xe có động cơ; Bán lẻ ô tô con; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Xây dựng các công trình dân dụng, khu công nghiệp và khu đô thị, giao thông, đường bộ, đường sắt, đường thủy, thủy lợi, nông nghiệp, bệnh viện, trường học, khu văn hóa thể thao, hệ thống điện chiếu sáng, năng lượng, các công trình hạ tầng cơ sở, cầu hầm; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng cơ sở (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); Tư vấn các công trình giao thông, đô thị và khu công nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính và dịch vụ thiết kế công trình); Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ thiết kế; Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng, bê tông, bê tông nhựa, các sản phẩm từ xi măng và đường nhựa; Khai thác khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Thương mại TQI

* Địa chỉ: B24, Khu nhà ở bán, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

* Hoạt động kinh doanh chính: Trang trí, thiết kế nội thất

* Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2022: 62,5%

* Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2022: 62,5%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên

- * Địa chỉ: Thôn Lam Sơn, Xã Thiện Phấn, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- * Hoạt động kinh doanh chính: Mua bán, phân phối, sản xuất, quy chế, pha chế các sản phẩm dầu thô, xăng dầu, khí đốt, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu.
- * Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/06/2022: 33,33%
- * Quyền biểu quyết của Công ty tại ngày 30/06/2022: 33,33%

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2

- * Địa chỉ: Tầng 2-4, tòa nhà B - KĐT M Kim Văn - Kim Lũ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.
- * Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng nhà để ở, công trình dân dụng khác
- * Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/06/2022: 31,50%
- * Quyền biểu quyết của Công ty tại ngày 30/06/2022: 31,50%

Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông

- * Địa chỉ: 48 Nguyễn Phi Khanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- * Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại; Tư vấn bất động sản; Kinh doanh bất động sản
- * Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/06/2022: 49,64%
- * Quyền biểu quyết của Công ty tại ngày 30/06/2022: 49,64%

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn thực góp thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần vốn góp của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí hợp nhất trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 09

3.7 HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Khoản hợp tác kinh doanh của Công ty gồm:

Tài sản đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Thu nhập từ việc bán hoặc sở hữu phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty ghi nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu;
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản Lãi vay phải trả, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.13 TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá (thép, đá,...), xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lãi từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác kinh doanh

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong kỳ đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp ở Việt Nam. Do đó đơn vị không lập Báo cáo bộ phận cho kỳ 06 tháng năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	1.836.283.022	1.839.371.533
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.162.837.864	12.112.790.386
- Các khoản tương đương tiền	-	14.000.000.000
	4.999.120.886	27.952.161.919

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**5.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu

	30/06/2022	01/01/2022																													
	<table><tr><th>Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc VND</th><th>Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND</th><th>Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc VND</th><th>Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND</th></tr><tr><td>Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên</td><td>45.000.000.000</td><td>90.653.557.631</td><td>45.000.000.000</td><td>89.486.991.010</td></tr><tr><td>Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2</td><td>233.649.854.166</td><td>260.820.982.759</td><td>233.649.854.166</td><td>248.207.675.178</td></tr><tr><td>Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông (i)</td><td>171.990.000.000</td><td>170.146.832.468</td><td>-</td><td>-</td></tr><tr><td>Công CP NBA</td><td>-</td><td>-</td><td>35.000.000.000</td><td>35.155.753.435</td></tr><tr><td>Cộng</td><td>450.639.854.166</td><td>521.621.372.858</td><td>313.649.854.166</td><td>372.850.419.623</td></tr></table>	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc VND	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc VND	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên	45.000.000.000	90.653.557.631	45.000.000.000	89.486.991.010	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2	233.649.854.166	260.820.982.759	233.649.854.166	248.207.675.178	Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông (i)	171.990.000.000	170.146.832.468	-	-	Công CP NBA	-	-	35.000.000.000	35.155.753.435	Cộng	450.639.854.166	521.621.372.858	313.649.854.166	372.850.419.623	
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc VND	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc VND	Giá trị ghi sổ khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND																												
Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên	45.000.000.000	90.653.557.631	45.000.000.000	89.486.991.010																											
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2	233.649.854.166	260.820.982.759	233.649.854.166	248.207.675.178																											
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông (i)	171.990.000.000	170.146.832.468	-	-																											
Công CP NBA	-	-	35.000.000.000	35.155.753.435																											
Cộng	450.639.854.166	521.621.372.858	313.649.854.166	372.850.419.623																											

(i) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 06 năm 2022 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông. Theo đó, Hội đồng Quản trị thông qua chủ trương chuyển nhượng 3.6 triệu cổ phần công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông mà Công ty đang sở hữu. Công ty đã thực hiện chuyển nhượng thành công số cổ phần trên trong quý 2 với giá 17.700 VND/Cổ phần. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng đô thị và Giao thông trở thành công ty liên kết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty đầu tư	Mối quan hệ	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên	Công ty liên kết	Tỉnh Hưng Yên	33,33%	33,33%	Mua bán, phân phối, sản xuất, quy chế, pha chế các sản phẩm dầu thô, xăng dầu, khí đốt, dầu nhớt và các sản phẩm hóa dầu
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2	Công ty liên kết	TP. Hà Nội	31,50%	31,50%	Xây dựng nhà ở, công trình dân dụng khác
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Đô thị và Giao thông	Công ty liên kết	TP. Hồ Chí Minh	49,64%	49,64%	Xây dựng nhà các loại; Tư vấn bất động sản; Kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Phát triển Đô thị và Hạ tầng Hà Nội	-	-	642.428.842	-
- Công ty CP Xây Dựng và Thương mại 699	1.038.002.060	-	1.038.002.060	-
- Công ty TNHH Một thành viên Nam Triệu	473.824.105	-	1.174.487.439	-
- Công an tỉnh Đồng Nai	611.977.450	-	1.203.175.610	-
- Công ty CP Trainco Group	-	-	2.865.115.000	-
- Phải thu khách hàng khác	881.537.780	-	2.599.629.444	-
Cộng	3.005.341.395	-	9.522.838.395	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Đầu tư XD và TM An Thịnh Phát	119.285.343.231	-	119.285.343.231	-
- Công ty CP TM và XD Trường Xuân Lộc	60.732.034.546	-	77.232.034.546	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS Lộc Phát	107.096.009.625	-	107.096.009.625	-
- Công ty CP Đầu tư TLG	75.423.443.517	-	75.423.443.517	-
- Công ty CP Tập đoàn Sông Hồng Capital	64.022.337.542	-	93.032.337.542	-
- Trả trước người bán khác	251.157.349	-	33.847.229.961	-
Cộng	426.810.325.810	-	505.916.398.422	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng VINA2	-	-	15.300.000.000	-
- Phải thu cho vay cá nhân (i)	45.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Cộng	45.000.000.000	-	35.300.000.000	-

Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại thuyết minh 29.1)

- (i) Phải thu theo các hợp đồng cho vay cá nhân ; Thời hạn vay: dưới 1 năm. Lãi suất 6%; Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	199.561.636.028	-	405.431.914.836	(169.063.970)
- Tạm ứng	-	-	46.421.869.551	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	1.491.893.202	-
- Lãi cho vay phải thu	196.967.123	-	204.693.150	-
- Lãi hợp tác kinh doanh với Công ty CP TM&DV Phú Minh Sơn	4.769.625.000	-	3.683.375.000	-
- Lãi hợp tác kinh doanh với Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên	10.337.500.000	-	7.587.500.000	-
- Lãi hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Hợp tác đầu tư An Bình	-	-	-	-
- Long Xuyên	7.917.808.219	-	1.190.000.000	-
- Phải thu cổ tức	523.926.369	-	-	-
- Lãi khoản ứng trước cho Công ty CP TM và XD Trường Xuân Lộc	1.840.979.002	-	-	-
- Lãi khoản ứng trước cho Công ty CP Tập đoàn Sông Hồng Capital	2.509.617.588	-	-	-
- Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	63.720.000.000	-	-	-
- Phải thu ủy thác đầu tư (i)	104.016.516.000	-	64.016.516.000	-
+ Bà Trần Thị Thúy	19.358.000.000	-	19.358.000.000	-
+ Bà Tạ Thị Dinh	-	-	18.275.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Tuyết	26.383.516.000	-	26.383.516.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Tâm	18.275.000.000	-	-	-
+ Bà Vũ Văn Anh	40.000.000.000	-	-	-
- Lãi phải thu ủy thác đầu tư	3.545.077.287	-	968.140.187	-
+ Bà Trần Thị Thúy	1.158.297.864	-	292.756.603	-
+ Bà Tạ Thị Dinh	-	-	276.378.082	-
+ Bà Nguyễn Thị Tuyết	1.578.673.944	-	399.005.502	-
+ Bà Nguyễn Thị Tâm	808.105.479	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	183.619.440	-	1.457.797.060	(169.063.970)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

Dài hạn	346.416.255.163	-	286.622.445.344	-
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Phú Minh Sơn (ii)	39.500.000.000	-	39.500.000.000	-
- Công ty CP Xăng Dầu Hưng Yên (iii)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
- Công ty TNHH Hợp tác đầu tư An Bình Long Xuyên (iv)	120.000.000.000	-	100.000.000.000	-
- Công ty CP Terra Gold Việt Nam (v)	86.239.196.960	-	42.272.598.480	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	677.058.203	-	932.700.075	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	3.917.146.789	-
Cộng	545.977.891.191	-	692.054.360.180	(169.063.970)

Phải thu khác là các bên liên quan: (Chi tiết được trình bày tại thuyết minh 29.1)

- (i) Phải thu theo các Hợp đồng ủy thác đầu tư cho các cá nhân mua/bán cổ phiếu, thời gian ủy thác 12 tháng, lợi nhuận tối thiểu đảm bảo là 6%/năm, chi phí ủy thác mà các cá nhân được hưởng là 1%/năm trên số tiền nhận ủy thác.
- (ii) Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Phú Minh Sơn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 201809/HTĐT/PMS-1168 ký ngày 20/09/2018 về việc đầu tư dự án khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Khe Dàn, xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với tổng mức đầu tư là 172.500.000.000 VND.
- Trong đó:
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Phú Minh Sơn góp: 133.000.000.000 VND
- Công ty CP Đầu tư MST góp: 39.500.000.000 VND
- Quản lý, điều hành dự án: Dự án do Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Phú Minh Sơn quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của dự án mà không thành lập pháp nhân mới
- Lợi nhuận được phân chia theo kết quả kinh doanh thực tế bắt đầu tính từ năm 2019 theo tỷ lệ góp vốn của các bên, nếu số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư MST nhận được theo kết quả kinh doanh thấp hơn lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau theo thông báo của Ngân hàng mà Công ty CP Đầu tư MST mở tài khoản thì Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Phú Minh Sơn sẽ phải bù đắp phần hụt cho Công ty CP Đầu tư MST.
- (iii) Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên theo Hợp đồng Hợp tác số 01/HTĐT/XDHY-1168 ký ngày 26/11/2018 về việc đầu tư dự án kinh doanh dầu tại tổng kho xăng dầu Vinapetro Hưng Yên với tổng mức đầu tư dự kiến là 271.000.000.000 VND.
- Trong đó:
- Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên góp vốn 171.000.000.000 VND tương đương 63,1% tổng vốn đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Công ty Cổ phần Đầu tư MST góp 100.000.000.000 VND tương đương 36,9% tổng vốn đầu tư

Quản lý, điều hành dự án: Dự án do Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của dự án mà không thành lập pháp nhân mới. Phân chia lợi nhuận của dự án dựa trên kết quả kinh doanh là lợi nhuận sau thuế của dự án theo tỷ lệ góp vốn của các bên.

- (iv) Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Hợp tác Đầu tư An Bình Long Xuyên theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2022/ANBINH-MST ký ngày 01/04/2022 về việc Hợp tác đầu tư Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư ANBINH RIVERSIDE tại Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang với tổng vốn đầu tư chưa bao gồm lãi vay là 551.959.354.562 VND.

Trong đó:

Công ty CP Đầu tư MST góp bổ sung là 120.000.000.000 VND để thực hiện dự án

Công ty TNHH Hợp tác Đầu tư An Bình Long Xuyên góp vốn bằng năng lực kinh nghiệm và toàn bộ số vốn cần thiết còn lại ngoài giá trị phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư MST.

Phân chia lợi nhuận của dự án dựa trên kết quả đầu tư, tỷ lệ vốn góp các bên thỏa thuận phân chia lãi, lỗ và rủi ro.

Công ty TNHH Hợp tác Đầu tư An Bình Long Xuyên sẽ tạm ứng cho Công ty CP Đầu tư MST lợi nhuận dự án từ dòng tiền thuần hàng năm định kỳ 12 tháng một lần trong vòng 24 tháng kể từ ngày Công ty CP Đầu tư MST thực hiện góp vốn lần 2 với tỷ lệ 12% giá trị phần vốn góp giai đoạn 2 tương đương với 14.400.000.000 VND. Thời điểm chuyển tạm ứng sẽ vào ngày đủ 12 tháng, ngày đủ 24 tháng.

Hoàn trả phần vốn đã góp: Ngày hoàn trả vốn góp là ngày đủ 12 tháng kể từ ngày Công ty CP Đầu tư MST thực hiện góp vốn hoặc theo thỏa thuận cụ thể của 2 bên nhưng không vượt quá 12 tháng tính kể từ ngày Công ty CP Đầu tư MST thực hiện góp vốn.

- (v) Chuyển tiền góp vốn cho Công ty CP Terra Gold Việt Nam theo Hợp đồng Hợp tác số 01/2021/HĐHT/TERRA GOLD-MST ký ngày 16/07/2021 để hợp tác cùng Công ty CP Terra Gold Việt Nam tham gia đấu giá quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 47.710m² để thực hiện Dự án Tuyển phổ thương mại cấp đường 3 tháng 2 nói dài trên địa bàn thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	19.132.244.418	-	20.942.112.258	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.772.245.073	-	25.480.940.602	-
- Hàng hóa	6.058.324.337	-	6.171.323.577	-
Cộng	30.962.813.828	-	52.594.376.437	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	67.179.426	170.898.872
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.992.653	14.278.563
- Các chi phí khác	63.186.773	156.620.309
Dài hạn	158.217.106	1.508.999.459
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	98.093.347	151.968.139
- Chi phí sửa chữa văn phòng	-	304.357.787
- Các chi phí khác	60.123.759	1.052.673.533
Cộng	225.396.532	1.679.898.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2022	9.038.917.750	10.912.529.091	45.000.000	19.996.446.841
- Mua trong kỳ	-	3.682.320.000	-	3.682.320.000
- Giảm do hợp nhất	(5.542.727.273)	(9.686.149.091)	-	(15.228.876.364)
30/06/2022	<u>3.496.190.477</u>	<u>4.908.700.000</u>	<u>45.000.000</u>	<u>8.449.890.477</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2022	(4.712.043.345)	(2.232.563.551)	(45.000.000)	(6.989.606.896)
- Khấu hao trong kỳ	(391.439.394)	(795.174.888)	-	(1.186.614.282)
- Giảm do hợp nhất	1.607.292.262	2.679.195.024)	-	4.286.487.286)
30/06/2022	<u>(3.496.190.477)</u>	<u>(348.543.415)</u>	<u>(45.000.000)</u>	<u>(3.889.733.892)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2022	4.326.874.405	8.679.965.540	-	13.006.839.945
30/06/2022	<u>-</u>	<u>4.560.156.585</u>	<u>-</u>	<u>4.560.156.585</u>

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 30/06/2022 là 4.560.156.585 VND

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là: 3.541.190.477 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp số 9	19.724.983.738	19.724.983.738	24.821.298.477	24.821.298.477
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông	341.542.000	341.542.000	14.273.405.566	14.273.405.566
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2	95.422.216.551	95.422.216.551	168.318.225.216	168.318.225.216
- Các nhà cung cấp khác	3.191.000.610	3.191.000.610	38.074.344.131	38.074.344.131
Cộng	118.679.742.899	118.679.742.899	245.487.273.390	245.487.273.390

Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30-06-22		01-01-22	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển An Nhân	-	-	28.954.173.593	28.954.173.593
- Công an tỉnh Đồng Nai	-	-	35.610.425.350	35.610.425.350
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông	15.857.910.305	15.857.910.305	-	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đô Thành	378.593.198.142	378.593.198.142	145.393.564.456	145.393.564.456
- Khách hàng khác	5.512.150.729	5.512.150.729	18.136.542.051	18.136.542.051
Cộng	399.963.259.176	399.963.259.176	228.094.705.450	228.094.705.450

Người mua trả tiền trước là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phải nộp đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Điều chỉnh hợp nhất VND	Phải nộp cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	7.036.152.026	481.407.596	7.036.152.026		481.407.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.890.718.036	5.864.722.253	2.500.000.000	(597.729.122)	10.657.711.167
Thuế thu nhập cá nhân	109.459.977	145.244.288	107.915.622	(146.788.643)	-
Các loại thuế khác	-	83.144.229	83.144.229		-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	169.771.099	22.320.000		147.451.099
Cộng	15.036.330.039	6.744.289.465	9.749.531.877	(744.517.765)	11.286.569.862

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30-06-22		Trong kỳ		01-01-22	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	156.289.350.951	156.289.350.951	140.081.921.114	294.139.600.306	310.347.030.143	310.347.030.143
<i>Vay ngắn hạn</i>	155.585.589.042	155.585.589.042	138.998.778.691	292.260.173.210	308.846.983.561	308.846.983.561
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh-CN Hoàn Kiếm (i)	28.600.000.000	28.600.000.000	-	171.391.254.871	199.991.254.871	199.991.254.871
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2 (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000	10.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Trái phiếu phát hành (iii)	119.985.589.042	119.985.589.042	121.244.328.767	100.100.000.000	98.841.260.275	98.841.260.275
+ Mệnh giá trái phiếu	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Chi phí phát hành	(14.410.958)	(14.410.958)	1.244.328.767	100.000.000	(1.158.739.725)	(1.158.739.725)
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành Đô	-	-	-	1.196.934.646	1.196.934.646	1.196.934.646
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Thanh Trì	-	-	7.754.449.924	16.571.983.693	8.817.533.769	8.817.533.769
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	703.761.909	703.761.909	1.083.142.423	1.879.427.096	1.500.046.582	1.500.046.582
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	703.761.909	703.761.909	710.662.705	157436506	150.535.710	150.535.710
- CN Thanh trì (iv)	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh	-	-	-	144000000	144.000.000	144.000.000
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	-	-	230.285.718	1.151.428.590	921.142.872	921.142.872
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	-	-	142.194.000	426.562.000	284.368.000	284.368.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP.Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	30/06/22		Trong kỳ		01/01/22	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay dài hạn	1.641.480.159	1.641.480.159	1.750.000.000	3.174.185.867	3.065.666.026	3.065.666.026
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong						
- CN Thanh trì (iv)	1.641.480.159	1.641.480.159	1.750.000.000	710.662.705	602.142.864	602.142.864
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	-	-	-	1.458.476.162	1.458.476.162	1.458.476.162
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	-	-	-	1.005.047.000	1.005.047.000	1.005.047.000
Cộng	157.930.831.110	157.930.831.110	141.831.921.114	297.313.786.173	313.412.696.169	313.412.696.169

(i) Vay Upas L/C theo yêu cầu phát hành số 02/180621/HDB-MST ngày 18/06/2021; giá trị 28.600.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán hợp đồng số 0205/2021/HĐKT/ITSN-MST; Hình thức đảm bảo: Quyền đòi nợ.

(ii) Vay Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2 theo Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV/MST-VINA2 ngày 21/02/2022.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Số tiền vay: 10.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười tỷ đồng)

Thời hạn vay: 06 tháng

Lãi suất vay: 5%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

(iii) Trái phiếu phát hành của Công ty:

- Mã trái phiếu: MSTH2223001
- Khối lượng phát hành: 12.000 trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 (mười triệu) đồng/Trái phiếu
- Kỳ hạn: 01 năm kể từ ngày phát hành
- Lãi suất danh nghĩa: 12%/năm
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm.
- Mục đích phát hành: Đầu tư góp vốn để thực hiện Dự án Khu dân cư ANBINH RIVERSIDE
- Tài sản bảo đảm: 4.900.000 (bốn triệu chín trăm nghìn) cổ phần thuộc sở hữu bên thứ ba tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2.

(iv) Vay ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 47/2021/HDTD/TT1/01 ký ngày 23/03/2021; Số tiền: 843.000.000 VND (Tám trăm bốn mươi ba triệu đồng); Mục đích vay: Mua xe ô tô; Thời hạn vay: 84 tháng; Biện pháp đảm bảo: đảm bảo bằng tài sản được hình thành
- Hợp đồng vay kiêm thế chấp xe ô tô số 35/2022/HDTD/TTI ngày 28/04/2022; Số tiền vay: 1.750.000.000 VND (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 22042022/HĐMBTG/VL-MST ký ngày 22/04/2022 giữa ông Vũ Văn Bình và Công ty CP Đầu tư MST; Thời hạn vay: 36 tháng; Biện pháp đảm bảo: đảm bảo bằng tài sản được hình thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	4.549.298.326	6.694.679.379
Cộng	4.549.298.326	6.694.679.379

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	41.550.000
- Phải trả tiền hợp tác đầu tư (i)	69.469.598.480	37.636.299.240
- Ông Trần Trung Khin	-	7.013.699.000
- Bà Phùng Thị Hạnh	-	2.400.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2	-	29.000.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	34.145.733.688
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Đô thị và Giao thông	2.487.816.200	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	479.272.421	7.344.458.232
Cộng	72.436.687.101	127.135.179.492

Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29.1

- (i) Khoản tiền nhận hợp tác đầu tư với các cá nhân để cùng tham gia đấu giá quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 47.710 m² và triển khai dự án Tuyến phố thương mại cấp đường 3 tháng 2 nổi dài, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MST

Ngõ 159 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2021	355.199.860.000	47.994.847.532	403.194.707.532
- Tăng vốn trong năm trước	326.207.050.000	-	326.207.050.000
- Lãi trong năm trước	-	76.313.578.934	76.313.578.934
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	(38.654.076.380)	(38.654.076.380)
- Giảm do hợp nhất	-	232.781.505	232.781.505
- Thù lao HĐQT, BKS	-	(648.000.000)	(648.000.000)
- Lỗ do mua thêm vốn tại Công ty con	-	(4.950.000.000)	(4.950.000.000)
31/12/2021	681.406.910.000	80.289.131.591	761.696.041.591
01/01/2022	681.406.910.000	80.289.131.591	761.696.041.591
- Giảm khác	-	(41.743.744)	(41.743.744)
- Lãi trong kỳ này	-	60.454.332.201	60.454.332.201
30/06/2022	681.406.910.000	140.701.720.048	822.108.630.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2. CỔ PHIẾU

	30/06/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.140.691	68.140.691
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	68.140.691	68.140.691
+ Cổ phiếu phổ thông	68.140.691	68.140.691
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.140.691	68.140.691
+ Cổ phiếu phổ thông	68.140.691	68.140.691
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu	185.281.377.041	235.539.607.709
- Doanh thu bán hàng	1.950.735.700	10.150.801.220
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	183.330.641.341	225.388.806.489
Cộng	185.281.377.041	235.539.607.709

Doanh thu với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29.1*

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng	1.922.867.080	9.893.079.449
- Giá vốn xây lắp	161.536.673.710	192.890.607.346
Cộng	163.459.540.790	202.783.686.795

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.151.632.938	375.232.352
- Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	31.081.613.311	-
- Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	20.564.058.219	3.886.250.000
- Lãi tài chính khác	6.919.256.170	36.991.260.274
Cộng	63.716.560.638	41.252.742.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	19.802.962.004	35.615.380.741
- Chi phí tài chính khác	1.244.328.768	4.684.932
Cộng	21.047.290.772	35.620.065.673

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.025.050.993	2.728.954.752
- Chi phí đồ dùng văn phòng	102.285.914	195.026.178
- Chi phí khấu hao	1.186.614.282	677.262.918
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.231.632.504	2.883.009.711
- Chi phí quản lý khác	188.330.086	53.574.768
- Lợi thế thương mại phân bổ	3.797.041.744	3.797.041.744
Cộng	11.530.955.523	10.334.870.071

25. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	264.926.726	17.440.388
- Các khoản chi phí khác	65.724.882	3.074.870
	330.651.608	20.515.258

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Thuế TNDN Công ty mẹ	5.798.311.588	5.625.874.460
- Thuế TNDN các Công ty con	66.410.665	101.014.224
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.864.722.253	5.726.888.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế	60.454.332.201	28.945.548.167
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	60.454.332.201	28.945.548.167
- Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	95.684.090	47.619.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	887	608

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.523.266.332	3.991.210.137
- Chi phí nhân công	13.691.482.009	3.303.727.653
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.186.614.282	677.262.918
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.198.725.985	145.647.985.209
- Chi phí khác	253.301.342	4.261.790.595
	198.853.389.950	157.881.976.512

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Đô thị và Giao thông	Công ty liên kết
Trần Trung Khìn	Phó Tổng Giám đốc

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Đô thị và Giao thông	Mua hàng hóa, dịch vụ (chưa VAT)	-	27.272.727
Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên	Lãi phải thu từ hợp tác kinh doanh	2.750.000.000	2.800.000.000
	Lãi hợp tác kinh doanh đã thực thu	-	5.607.671.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2	Thu lại tiền cho vay	15.300.000.000	-
	Lãi phải thu từ cho vay	25.150.685	-
	Nghiệm thu hoàn thành khối lượng xây dựng đầu vào(chưa VAT)	133.858.768.519	-
	Vay tiền	10.000.000.000	-
	Trả tiền vay	3.000.000.000	-
	Lãi phải trả từ cho vay	127.945.206	-

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Tài khoản	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Đô thị và Giao thông	Người mua trả tiền trước	15.857.910.305	15.457.910.305
	Phải thu khác	523.926.369	523.926.369
	Phải trả người bán	341.542.000	1.111.542.000
	Phải trả, phải nộp khác	2.487.816.200	-
Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên	Phải thu khác	110.337.500.000	107.587.500.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vina2	Phải thu về cho vay	-	15.300.000.000
	Người mua trả tiền trước	-	-
	Phải thu khác	180.528.767	155.378.082
	Phải trả người bán	95.422.216.551	168.318.225.216
	Vay và nợ thuê tài chính	7.000.000.000	-
Trần Trung Khìn	Phải trả khác	-	9.553.439.332
	Phải thu khác	-	9.847.700.000

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc

	Chức danh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Phan Duy Dũng	Tổng Giám đốc	76.176.563	69.110.368
Trần Trung Khìn	Phó Tổng Giám đốc	-	29.053.797
Phùng Xuân Nam	Thành viên HĐQT	-	19.310.337
		76.176.563	117.474.502

29.2. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29.3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư MST đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư MST đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Phạm Thị Ngọc Thư

Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Kiên

Tổng Giám đốc



Phan Duy Dũng

